

Số: 17/2021/QĐHG-HNGĐ

Sơn Động, ngày 15 tháng 11 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG - TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ vào các Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào các Điều 32, 33, 34, 35 và 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 28 tháng 10 năm 2021, các bên tham gia hòa giải đã thỏa thuận được với nhau về việc “Chia tài sản chung sau ly hôn” giữa:

* Người khởi kiện: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979
Nơi cư trú: Tổ dân phố Đ, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

* Người bị kiện: Ông Nguyễn Kim A, sinh năm 1972
Nơi ĐK HKTT: Số nhà 72, phường T, TP B, Bắc Giang.
Chỗ ở và nơi làm việc hiện nay: Điện lực huyện S; Địa chỉ: Tổ dân phố Hạ 2, thị trấn A, huyện S, tỉnh Bắc Giang.

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cũng như các tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án.

XÉT THẤY:

Nội dung thoả thuận, thống nhất của các bên được ghi trong biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang ngày 28 tháng 10 năm 2021 đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và các tài liệu kèm theo, không có bên nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án, giữa: Bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Kim A.

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

Giao cho bà Nguyễn Thị T quản lý, sử dụng, sở hữu gồm: 01 thửa đất ở diện tích 204m² (đất chưa được cấp giấy chứng nhận đất); 01 nhà cấp 4 xây dựng 2 tầng, diện tích 100m² (Nhà xây dựng trên diện tích đất 204m²) tại tổ dân phố Đ, thị

trần A, huyện S; 01 bộ bàn ghế xa lông gỗ lim và 01 xe máy Airblare. Bà T phải có trách nhiệm trả tiền chênh lệch chia tài sản cho ông Nguyễn Kim A số tiền là 400.000.000đ.

Ông Nguyễn Kim A được sở hữu số tiền 400.000.000đ (Bốn trăm triệu đồng chẵn) do bà T trả.

Về lỗi suất chậm thi hành án: Được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên, người đại diện, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến quyết định của Tòa án có quyền đề xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

6. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Sơn Động;
- Chi cục THA DS huyện Sơn Động;
- Lưu h/s VA.

THẨM PHÁN

Trần Văn Toàn